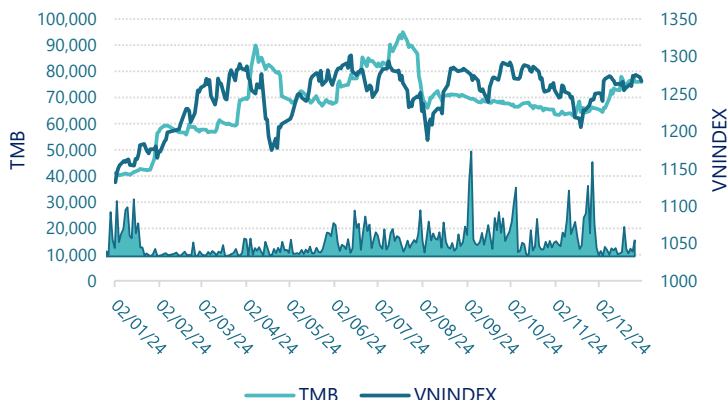




CTCP Kinh doanh Than Miền Bắc - Vinacomin (HNX: TMB)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 31/12/2024

Giá hiện tại (VNĐ)	75,900
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	95,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	40,314
SL cổ phiếu LH	15,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	38,925
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,139
P/E	7.9
EPS	9,583

DT thuần

Q4/24

9,577

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 1,071 | 12.6%

YoY: ▲ 1,338 | 16.2%

LN sau thuế

Q4/24

27.5

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 1.10 | 4.0%

YoY: ▼118 | -81.1%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

0.9%

+/- YoY: ▼ 0.4%

DT thuần

2024

41,719

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 4,606 | 12.4%

LN sau thuế

2024

144

tỷ VNĐ

YoY: ▼188 | -56.7%

ROE

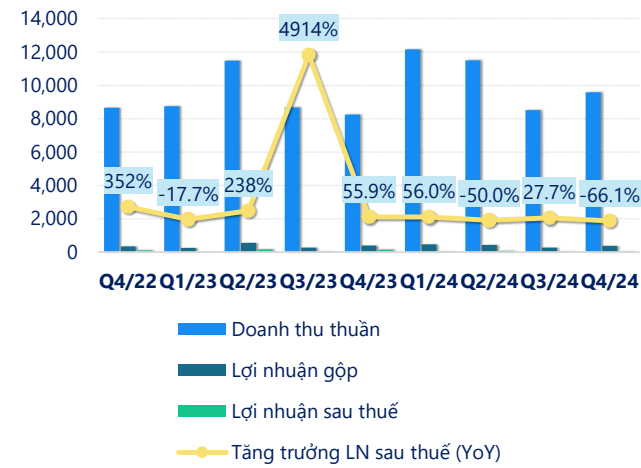
2024

19.3%

+/- YoY: ▼ 38.5%

tỷ VNĐ

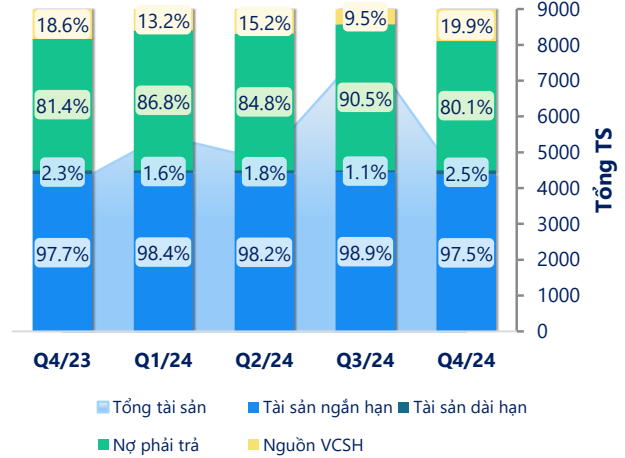
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

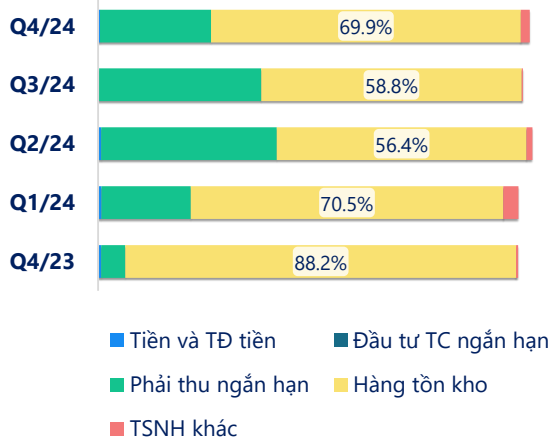
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



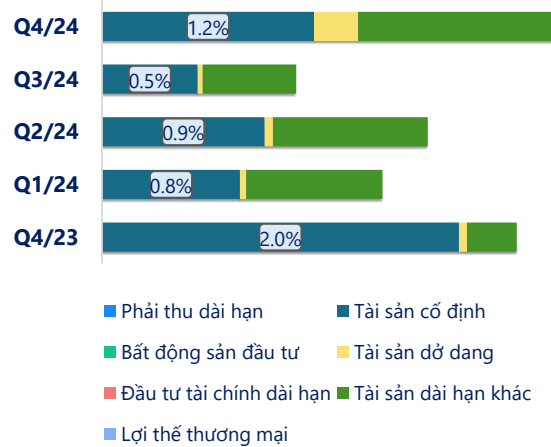
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

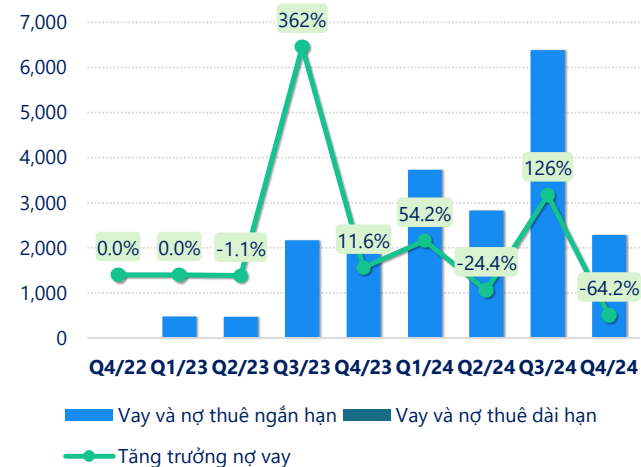
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

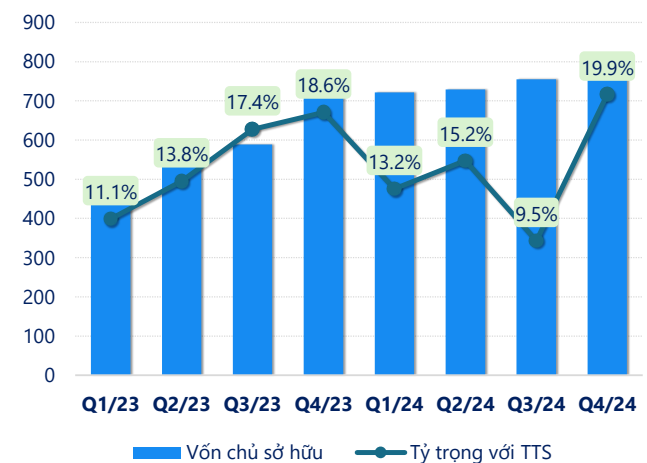
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

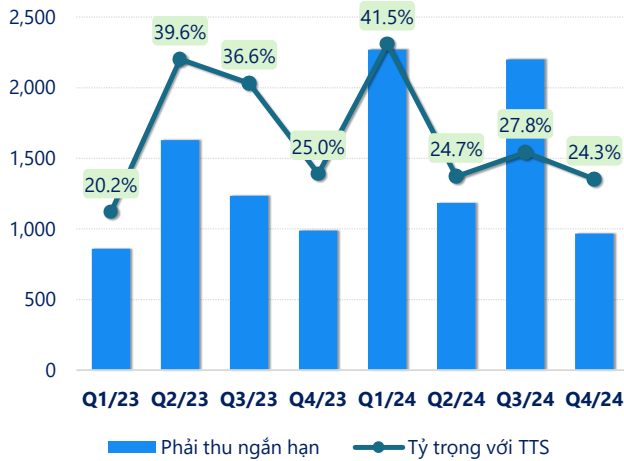
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



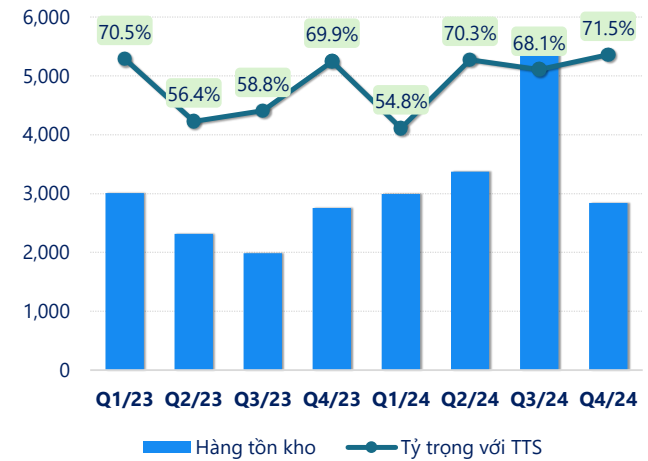
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


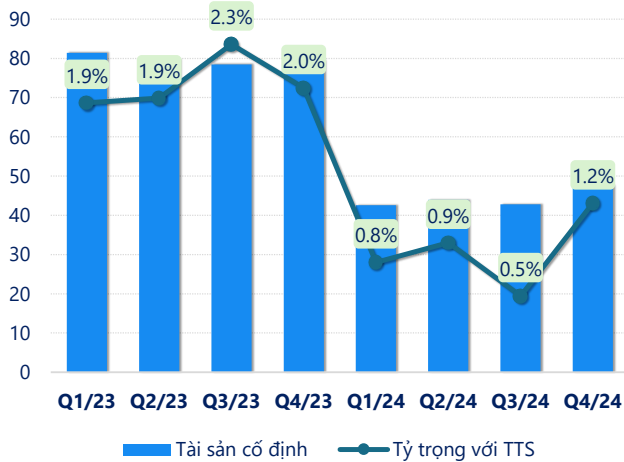
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


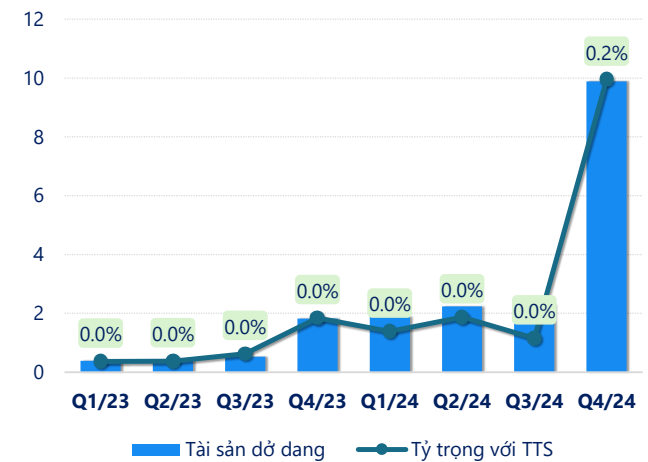
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

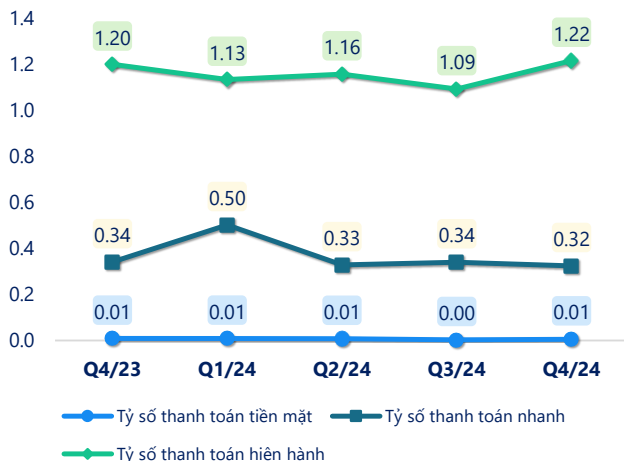
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

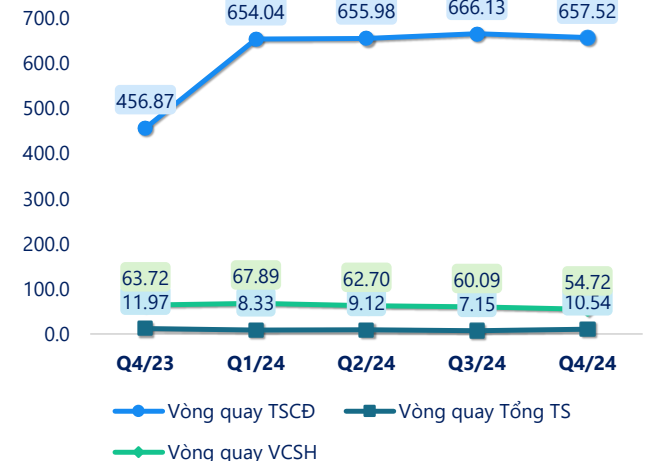
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Tổng tài sản	3,941	5,463	4,791	7,925	3,974
Tài sản ngắn hạn	3,849	5,377	4,703	7,838	3,873
Tiền và tương đương tiền	27.5	41.1	32.7	20.4	17.8
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	987	2,270	1,183	2,200	967
Hàng tồn kho	2,755	2,995	3,370	5,396	2,840
Tài sản ngắn hạn khác	79.2	71.1	117	221	47.8
Tài sản dài hạn	92.2	86.4	88.0	86.9	101
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	79.3	42.6	44.0	42.8	47.5
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	1.82	1.89	2.24	2.29	9.88
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	11.1	42.0	41.8	41.8	43.7
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	3,207	4,741	4,062	7,170	3,183
Nợ ngắn hạn	3,207	4,741	4,062	7,170	3,183
Vay và nợ thuê ngắn hạn	2,420	3,732	2,823	6,386	2,286
Phải trả người bán ngắn hạn	594	687	970	392	700
Nợ dài hạn	0	0	0	0	0
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	734	722	729	755	791
Vốn chủ sở hữu	734	722	729	755	791
Vốn điều lệ	150	150	150	150	150
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)